

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 324/2023/DS-PT

Ngày 14-8-2023

V/v tranh chấp thừa kế tài sản,
tranh chấp hợp đồng tặng cho, hợp
đồng hứa thưởng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Sỹ Trứ

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Dũng

Bà Trần Thị Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thảo Vy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phước – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và 14 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 201/2023/TLPT-DS ngày 12 tháng 6 năm 2023 về việc “tranh chấp thừa kế tài sản, tranh chấp hợp đồng tặng cho, hợp đồng hứa thưởng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2023/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 270/2023/QĐ-PT ngày 05/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 263/2023/QĐ-PT ngày 25/7/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Minh T, sinh năm 1955; địa chỉ: tổ 1, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hà Thị H, sinh năm 1957; địa chỉ: khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (hợp đồng ủy quyền ngày 31/8/2022), bà Hồng vắng mặt.

- Bị đơn:

1. Bà Lê Thị N, sinh năm 1947; địa chỉ: số 15/M6, khu phố 1, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của bà Năm: Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1974; địa chỉ: số 15/M6, khu phố 1, phường Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, là người đại diện theo ủy quyền (hợp đồng ủy quyền ngày 04/4/2023), có mặt.

2. Bà Võ Thị N1, sinh năm 1960; địa chỉ: khu phố P, phường T, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bà Nương: Ông Võ Văn K, sinh năm 1976; địa chỉ: số 8/68N, đường P, phường P, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 01/3/2023), ông Kiệt, bà Nương có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Trương Thị H, là Luật sư Văn phòng Luật sư Trương Thị H thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1958; địa chỉ: số 220/52, đường H, khu phố 7, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án.

2. Ông Nguyễn Viết H, sinh năm 1971; địa chỉ: số 182A, khu phố B1, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

3 Bà Hà Thị H, sinh năm 1957; địa chỉ: khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

4. Bà Lê Thị S, sinh năm 1954; địa chỉ: số 83, khu phố K, phường T, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

5. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương; địa chỉ: số 677 đường V, phường Định Hoà, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1952; địa chỉ: tổ 3, khu phố P, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. Ông Trương Văn C, sinh năm 1944; địa chỉ: tổ 1, khu phố K, phường T, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Lê Thị N và bà Võ Thị N1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Thanh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà, nguyên đơn ông Võ Minh T và đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ông Võ Minh T, sinh năm 1955 là con của cụ Võ Văn M, sinh năm 1916, chết năm 1992 (không có giấy chứng tử). Cụ Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1925, chết ngày 24/7/2007 (theo Giấy chứng tử số 50 ngày 21/11/2007 do Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) Tân Phước Khánh cấp) sống chung với cụ Võ Văn M từ năm 1957. Sau khi cụ M sống chung với cụ Ch, giữa cụ Ch và ông T có quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng nhau như mẹ con. Cụ M và cụ Ch có 01 người con chung là bà Võ Thị N1, sinh năm 1960. Ngoài ra, trước khi sống chung với cụ M, cụ Ch có 01 người con riêng là bà Lê Thị N, sinh năm 1947.

Ngoài ra, cụ M, cụ Ch không còn người con riêng, con nuôi nào khác. Cha mẹ của cụ M, cụ Ch đều chết trước cụ M, cụ Ch.

Khi còn sống, cụ Võ Văn M có tạo lập được khối tài sản là quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 3.321m² thuộc thửa đất số 951, 966, tờ bản đồ 16 tọa lạc tại phường Tân Phước Khánh, thành phố Tân Uyên. Nguồn gốc đất nêu trên là do cụ M nhận chuyển nhượng của cụ Trương Văn Tuấn vào năm 1960. Năm 1977, giữa cụ M và cụ Trần Thị Tr (sinh năm 1929, chết năm 2009) có thỏa thuận miệng hoán đổi đất, cụ M giao cho cụ Tr diện tích đất đo đạc thực tế là 3.652m², đổi lại, cụ Tr giao cho cụ M diện tích đất 4.339m² (02 diện tích đất này hiện nay tọa lạc tại phường Tân Phước Khánh, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương) để hai bên sử dụng, canh tác. Đến năm 1993, cụ Văn Quế Đ (là anh bà con của cụ Tr) đưa ra Trích lục địa bộ xác định diện tích đất cụ Tr đổi cho cụ M, thuộc quyền sử dụng của cụ Đồn. Do đó, cụ Đ yêu cầu vợ, con cụ M phải trả lại đất. Năm 1993, gia đình cụ M trả lại 4.339m² đất cho cụ Đ, đồng thời gia đình cụ M đòi lại 3.652m² đất của cụ M đã giao cho cụ Tr. Vụ việc đã được chính quyền tại địa phương, Tòa án các cấp giải quyết liên tục từ năm 1993 đến năm 2020. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 377/2020/DS-PT ngày 31/8/2020 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

- Vô hiệu hợp đồng hoán đổi đất giữa cụ Võ Văn M và cụ Trần Thị Tr vào năm 1977 đối với thửa đất số 966 và thửa 951, tờ bản đồ 16, tọa lạc tại phường Tân Phước Khánh, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Diện tích đất thực tế 3.652m², thuộc thửa 966 và thửa 951, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại phường Tân Phước Khánh, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cụ Võ Văn M và cụ Nguyễn Thị Ch.

- Buộc bà Lê Thị S, ông Phan Văn H có nghĩa vụ giao trả phần đất có diện tích 2.678,7m² thuộc một phần thửa 966 và thửa 951, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại phường Tân Phước Khánh, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương cho ông Võ Minh T, bà Lê Thị N, bà Võ Thị N1 (là người thừa kế của cụ Võ Văn M, cụ Nguyễn Thị Ch).

- Bà Lê Thị S được sử dụng diện tích 520m² đất (trong đó có 200m² đất ở), buộc bà Lê Thị S phải hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông Võ Minh T, bà Lê Thị N, bà Võ Thị N1 số tiền 5.200.000.000 đồng.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn Tsung C Việt Nam được sử dụng diện tích đất đo thực tế 453,3m². Bà Lê Thị S có nghĩa vụ hoàn trả 725.000.000 đồng đã nhận của Công ty trách nhiệm hữu hạn Tsung Chang Industries Việt Nam để giao trả cho ông Võ Minh T, bà Lê Thị N, bà Võ Thị N1.

Về việc thừa kế tài sản: ngày 16/12/1991, trước khi cụ Võ Văn M chết có di chúc miệng (di ngôn), trong đó cụ M cho ông Võ Minh T quản lý, sử dụng diện tích đất mà trước đó cụ M đã đổi với cụ Trần Thị Tr. Khi cụ M lập di chúc miệng có sự chứng kiến của bà con thân tộc, trong đó ông Nguyễn Văn L là người ghi lại nội dung di chúc miệng của cụ M.

Sau khi Bản án dân sự phúc thẩm số 377/2020/DS-PT ngày 31/8/2020 của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực pháp luật thì bà Lê Thị N, bà Võ Thị N1 không đồng ý để ông T tiến hành kê khai cấp giấy chứng nhận đối với phần đất có diện tích 2.678,7m² thuộc một phần thửa 966 và thửa 951, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại phường Tân Phước Khánh, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của ông T.

Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận di chúc ngày 16/12/1991 của cụ Võ Văn M, cho ông Võ Minh T được thừa kế di sản do cụ Võ Văn M để lại gồm: phần đất có diện tích 2.678,7m², đo đạc thực tế là 2.656,5m² thuộc một phần thửa 966 và thửa 951, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại phường Tân Phước Khánh, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và tổng số tiền 5.925.000.000 đồng mà bà Lê Thị S có nghĩa vụ hoàn trả.

Đối với khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh L về hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất do cụ Nguyễn Thị C cam kết tặng cho bà L: ông T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L vì thửa 951, 966, tờ bản đồ 16 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cha ông T, cha ông T đã có di ngôn (di chúc miệng) để lại cho ông T. Cụ Nguyễn Thị Ch không có di sản gì để lại nên việc cụ Ch ký hợp đồng tặng cho đất cho bà L là không hợp pháp.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Viết H: Ông T đồng ý với yêu cầu độc lập của ông H, đồng ý thực hiện việc giao cho ông H 40% của diện tích đất 2.678,7m², đo đạc thực tế là 2.656,5m² thuộc các thửa đất số 951, 966 tờ bản đồ 16 tại phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và 40% của số tiền 5.950.000.000 đồng.

- Bị đơn bà Lê Thị N trình bày:

Thống nhất với lời khai của ông Võ Minh T về mối quan hệ nhân thân, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Bà N là con của cụ Lê Văn L, sinh năm 1923, chết năm 1972 (không có giấy chứng tử) và cụ Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1925, chết năm 2007. Cụ Ch sống chung với cụ Võ Văn M từ năm 1957.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Võ Minh T: Bà N đề nghị Tòa án chia di sản của cụ Võ Văn M và cụ Nguyễn Thị Ch là diện tích đất 2.678,7m², đo đạc thực tế là 2.656,5m² thuộc một phần thửa 966 và thửa 951, tờ bản đồ 16 tọa lạc tại phường Tân Phước Khánh, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên theo quy định của pháp luật, bà N được nhận phần thừa kế mà bà N được hưởng bằng hiện vật, trong đó bà N đề nghị được nhận 500m², trong diện tích đất nêu trên. Đối với số tiền 5.925.000.000 đồng mà bà Lê Thị S có nghĩa vụ trả, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh L: Thống nhất phần trình bày của bà Nguyễn Thị Thanh L là cụ Nguyễn Thị Ch cũng như bà Võ Thị N1 và bà Lê Thị N có làm ủy quyền để bà L tham gia tố tụng vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất với cụ Trần Thị Tr để giải quyết tranh chấp đất thuộc thửa đất số 966 và 951, tờ bản đồ 16 tại phường Tân Phước Khánh, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Gia đình có lập “Giấy cho đất” ngày 09/12/2005 với điều kiện bà L phải đại diện cho gia đình tham gia thắng kiện thì cụ Ch sẽ cho cháu bà Nguyễn Thị Thanh L được hưởng số tiền tương đương với diện tích 935m². Bà L đã tham gia tố tụng đến năm 2013, tuy nhiên đến năm 2015, Tòa án nhân dân tối cao có Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 145/2015/KN-DS ngày 22/5/2015 hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 354/2013/DS-PT ngày 15/11/2013 của Tòa Phúc thẩm - Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và giao hồ sơ vụ án lại cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Do đó, bà L không tham gia tố tụng nữa mà bỏ ngang nên gia đình bà N1, bà N, ông T phải nhờ ông Nguyễn Viết H tham gia tố tụng tranh chấp đất với cụ Tr theo nội dung Vi bằng số 198/VB-TPL ngày 20/8/2015.

Đến năm 2018, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Bản án dân sự phúc thẩm số 26/2018/DS-PT ngày 12/3/2018 hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 22/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì vậy, cho đến thời điểm năm 2015, vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa cụ Nguyễn Thị Ch và cụ Trần Thị Tr để giải quyết tranh chấp đất thuộc thửa đất số 966 và 951, tờ bản đồ 16 tại phường Tân Phước Khánh, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương vẫn đang được giải quyết. Bà L đã nhận ủy quyền nhưng chưa thắng kiện và bỏ ngang nên bà Năm không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh L. Bà Năm chỉ đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị Thanh L số tiền 500.000.000 đồng, xem như là công sức chi phí mà bà L đã bỏ ra.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Viết H: Bà N đồng ý thực hiện việc giao cho ông Hồng 40% của diện tích đất 2.678,7m², đo đạc thực tế là 2.656,5m² thuộc các thửa đất số 951, 966 tờ bản đồ 16 tại phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và 40% của số tiền 5.950.000.000 đồng.

- Bị đơn bà Võ Thị N1 và người đại diện hợp pháp trình bày:

Thông nhất với lời khai của ông Võ Minh T về mối quan hệ nhân thân, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Bà N là con của cụ Võ Văn M và cụ Nguyễn Thị Ch. Bà Nương cho rằng diện tích 3.321m² thuộc thửa đất số 951, 966, tờ bản đồ 16 tọa lạc tại phường Tân Phước Khánh, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên (trước khi hoán đổi với cụ Trần Thị Tr) là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của cụ Võ Văn M và cụ Nguyễn Thị Ch.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Võ Minh T: Bà N1 đề nghị Tòa án chia di sản của cụ Võ Văn M và cụ Nguyễn Thị Ch là diện tích đất 2.678,7m², đo đạc thực tế là 2.656,5m² thuộc một phần thửa 966 và thửa 951, tờ bản đồ 16 tọa lạc tại phường Tân Phước Khánh, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên theo quy định của pháp luật, bà N1 được nhận phần thừa kế mà bà N1 được hưởng bằng hiện vật, trong đó bà N1 đề nghị được nhận 500m², trong diện tích đất nêu trên. Đối với số tiền 5.925.000.000 đồng mà bà Lê Thị S có nghĩa vụ trả, bà N1 yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh L: Thông nhất phần trình bày của bà Nguyễn Thị Thanh L là cụ Nguyễn Thị C cũng như bà Võ Thị N1 và bà Lê Thị N có làm ủy quyền để bà Loan tham gia tố tụng vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất với cụ Trần Thị Tr để giải quyết tranh chấp đất thuộc thửa đất số 966 và 951, tờ bản đồ 16 tại phường Tân Phước Khánh, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Gia đình có lập “Giấy cho đất” ngày 09/12/2005 với điều kiện bà L phải đại diện cho gia đình tham gia thắng kiện thì cụ Ch sẽ cho cháu bà Nguyễn Thị Thanh L được hưởng số tiền tương đương với diện tích 935m². Bà L đã tham gia tố tụng đến năm 2013, tuy nhiên đến năm 2015, Tòa án nhân dân tối cao có Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 145/2015/KN-DS ngày 22/5/2015 hủy Bản án dân sự phúc số 354/2013/DS-PT ngày 15/11/2013 của Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí

Minh và giao hồ sơ vụ án lại cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Do bà L không tham gia tố tụng nữa mà bỏ ngang nên bà N1, bà N, ông T phải nhờ ông Nguyễn Viết H tham gia tố tụng tranh chấp đất với cụ Tr theo nội dung Vi bằng số 198/VB-TPL ngày 20/8/2015.

Đến năm 2018, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Bản án dân sự phúc thẩm số 26/2018/DS-PT ngày 12/3/2018 hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 22/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì vậy, cho đến thời điểm năm 2015, vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa cụ Nguyễn Thị Ch và cụ Trần Thị Tr để giải quyết tranh chấp đất thuộc thửa đất số 966 và 951, tờ bản đồ 16 tại phường Tân Phước Khánh, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương vẫn đang được giải quyết. Bà L đã nhận ủy quyền nhưng chưa thắng kiện và bỏ ngang nên bà N1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh L. Bà N1 chỉ đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị Thanh L số tiền 500.000.000 đồng, xem như là công sức chi phí mà bà L đã bỏ ra.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Viết H: Bà Nưng đồng ý thực hiện việc giao cho ông H 40% của diện tích đất 2.678,7m², đo đạc thực tế là 2.656,5 m² thuộc các thửa đất số 951, 966 tờ bản đồ 16 tại phường Tân Phước Khánh, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và 40% của số tiền 5.950.000.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh L trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thanh L là cháu của cụ Nguyễn Thị Ch, vào ngày 09/6/2005 gia đình cụ Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1925, chết năm 2007 có tranh chấp quyền sử dụng đất cạnh tranh với cụ Trần Thị Tr.

Nguồn gốc quyền sử dụng đất tranh chấp giữa cụ Ch và cụ Tr là do vợ chồng cụ Võ Văn M, cụ Ch nhận chuyển nhượng vào năm 1960; đến năm 1977 cụ Máy và cụ Trừ có thỏa thuận miệng hoán đổi đất, trong đó cụ M giao cho cụ Tr diện tích đất 3.652m², đổi lại, cụ Tr giao cho cụ M diện tích đất 4.339 m² (02 diện tích đất đều tọa lạc tại phường Tân Phước Khánh, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương). Do đất của ông Đ nhưng cụ Trừ đem đi đổi nên sau đó các bên xảy ra tranh chấp.

Năm 2000, cụ Ch nhờ bà L viết đơn khiếu nại, khởi kiện và chở cụ Ch đi đến các cấp chính quyền để nộp. Đến năm 2003 do tuổi cao sức yếu, cụ Ch lập giấy ủy quyền để bà L thay mặt cụ Ch tham gia tố tụng ở Tòa án nhân dân huyện (nay là thành phố) Tân Uyên và Tòa án các cấp sau này.

Để thanh toán các khoản chi phí tham gia trong suốt quá trình giải quyết vụ án và trả công cho bà L, ngày 09/12/2005 cụ Ch cùng hai người con là bà Võ Thị N1 và bà Lê Thị N làm “Giấy cho đất” với nội dung: “Năm 1993, tôi có tranh chấp phần đất có diện tích 4.364m² do Hợp đồng hoán đổi đất với bà Trần Văn Tr để sản xuất. Do tuổi già sức yếu, mặt khác, con cái và đời sống quá khó khăn, không có điều kiện đi lại nên tôi và hai con đã ủy quyền cho cháu tôi là Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1958, đại diện gia đình tôi tham gia giải quyết Hợp đồng hoán đổi đất với bà Trần Thị Tr. Sau này tranh chấp thắng kiện, gia đình tôi sẽ cho cháu tôi là Nguyễn Thị Thanh L

được hưởng số tiền tương đương với diện tích 935m² đất trong tổng diện tích 4.364m² tọa lạc tại khu phố Khánh Long, thị trấn Tân Phước Khánh, huyện Tân Uyên, Bình Dương sau khi gia đình tôi bán toàn bộ diện tích nói trên”.

Trong quá trình tham gia tố tụng, ông Võ Minh T là con trai của cụ Võ Văn M (cụ Ch là mẹ kế của ông T) tham gia tố tụng với tư cách đồng nguyên đơn trong vụ án. Năm 2007, cụ Ch chết thì các con của cụ Ch là bà Võ Thị N1, bà Lê Thị N tiếp tục ủy quyền cho bà L để tham gia vụ kiện để yêu cầu gia đình bà Lê Thị Tr trả lại thửa đất số 951 và thửa 966 cho gia đình cụ Ch, cụ M. Theo đó, tất cả các chi phí tài chính liên quan đến vụ án, chi phí mời luật sư tại các cấp từ sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm đều do bà L chi trả, ông T, bà N và bà N1 chỉ tham gia tố tụng vụ án với tư cách nguyên đơn. Quá trình làm đại diện ủy quyền, bà L đã giúp gia đình cụ Ch làm đơn khiếu nại, khởi kiện đến các cấp có thẩm quyền, thậm chí gửi đơn đến Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương để yêu cầu xem xét, giải quyết bảo vệ quyền lợi của gia đình cụ M, cụ Ch. Bà L là người tham gia giúp cụ Nguyễn Thị Chung đối với các thủ tục giải quyết tranh chấp, thậm chí bà Loan là người chi tiền thuê luật sư Trương Đình Tùng – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bảo vệ cho quyền lợi của cụ Chung với chi phí bỏ ra tổng cộng 147.000.000 đồng.

Hiện nay, Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Bản án dân sự phúc thẩm số 377/2020/DS-PT ngày 31/8/2020, theo đó, Tòa quyết định: “Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Minh T và người thừa kế quyền nghĩa vụ tố tụng của cụ Nguyễn Thị Ch là Lê Thị N và Võ Thị N1. Diện tích đất thực tế 3.652m² đất thuộc thửa đất số 966 và 951, tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại khu phố Khánh Long, phường Tân Phước Khánh, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương thuộc quyền sở hữu hợp pháp của cụ Võ Văn M và cụ Nguyễn Thị Ch”, Bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Sau khi vụ án có quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp cao Hồ Chí Minh và thi hành án xong bà Loan đã nhiều lần liên hệ với bà N và bà N1 để yêu cầu thực hiện cam kết thanh toán tiền cho bà Loan theo Giấy cho đất ngày 09/12/2005 nhưng bà N và bà N1 lấy nhiều lý do để tránh mặt và không thực hiện nghĩa vụ. Do đó, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Võ Thị N1 và bà Lê Thị N phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thanh L tổng số tiền 7.480.000.000 đồng tương đương giá trị 935m² x 8.000.000 đồng/m² (theo giá đất tại biên bản định giá ngày 27/10/2022) đất thuộc thửa đất số 966 và 951, tờ bản đồ 16 tại phường Tân Phước Khánh, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương được Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định tại Bản án dân sự phúc thẩm số 377/2020/DS-PT ngày 31/8/2020.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Viết H trình bày:*

Ông Hồng thống nhất với trình bày của bà N, bà N1, ông T. Ông H có yêu cầu độc lập, đề nghị Tòa án án buộc ông Võ Minh T, bà Lê Thị N, bà Võ Thị N1 phải giao cho ông H 40% của diện tích đất 2.678,7m² thuộc các thửa đất số 951, 966 tờ bản đồ 16 tại phường Tân Phước Khánh, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và 40% của số tiền 5.950.000.000 đồng theo cam kết trích thưởng lập ngày 20/8/2015 đã được Văn phòng Thừa phát lại Dĩ An lập vi bằng theo pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị H trình bày:*

Ngày 15/3/2002, ông T nói Ủy ban nhân dân huyện Tân Uyên đã ban hành Quyết định số 581/QĐ-CT ngày 12/8/1998 trong đó có nội dung giao phần đất diện tích 2.386m² thuộc khu phố Khánh Long, thị trấn (nay là phường) Tân Phước Khánh cho ông Võ Minh T quản lý, sử dụng nên bà H và ông T thỏa thuận chuyển nhượng diện tích đất nêu trên, với giá chuyển nhượng là 500.000.000 đồng. Ngày 16/3/2002, bà H đã giao đủ cho ông Võ Minh T số tiền nêu trên. Do việc khiếu nại, khởi kiện đối với diện tích đất nêu trên diễn ra trong thời gian dài nên ông T chưa thực hiện việc chuyển nhượng theo hợp đồng đã ký kết với bà H. Về việc chuyển nhượng thửa đất số 951, 966 tờ bản đồ 16 tại phường Tân Phước Khánh, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên giữa bà Hồng và ông T đã ký vào ngày 15/3/2002, bà H không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Sau khi ông T nhận được các tài sản theo bản án có hiệu lực pháp luật. Giữa bà và ông T sẽ thỏa thuận giải quyết. Nếu không thỏa thuận giải quyết được, bà H sẽ khởi kiện để giải quyết trong bản án khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương trình bày:

Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương thụ lý thi hành Bản án số 12/2019/DS-ST ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương và Bản án số 377/2020/DS-PT ngày 31/8/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 26/8/2022, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương có Công văn số 1397/CTHADS cung cấp kết quả thi hành bản án cho Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên kèm theo tài liệu có liên quan. Hiện nay, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương chưa thu được khoản tiền bà Lê Thị Sương phải hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông Võ Minh Tâm, bà Lê Thị Năm, bà Võ Thị Nương 5.199.700.000 đồng; bà Lê Thị Sương có nghĩa vụ hoàn trả 725.000.000 đồng đã nhận của Công ty trách nhiệm hữu hạn Tsung Chang Industries Việt Nam để giao trả cho ông Võ Minh Tâm, bà Lê Thị Năm, bà Võ Thị Nương và khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên, bởi vì Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương chỉ tổ chức thi hành theo nội dung của Bản án dân sự phúc thẩm số 377/2020/DS-PT ngày 31/8/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Khi có kết quả giải quyết tranh chấp, đề nghị Tòa án thông báo để Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương có cơ sở chi trả tiền đối với khoản Cục Thi hành án dân sự tỉnh đang tổ chức thi hành nói trên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị S không có ý kiến trình bày.

- Người làm chứng ông Nguyễn Văn L trình bày: Ông L là em rể bà con của ông Võ Minh T, bà Võ Thị N1 và bà Lê Thị N, kêu cụ Võ Văn M là cậu vợ. Khi cụ Võ Văn M đang bàn bạc cùng người thân trong gia đình (trong đó có người em út là ông Trương Văn C) về lập di chúc miệng (di ngôn) để phân chia tài sản trong gia đình cho các con, ông L đi sang thăm bệnh, được cụ M nhờ viết lại nội dung di chúc miệng. Thời điểm lập di chúc miệng, cụ M minh mẫn tỉnh táo, nghe nói rõ ràng, sau khi viết nội dung di chúc miệng, ông L có đọc cho những người thân trong gia đình cùng nghe, xác nhận đúng di chúc miệng của cụ Võ Văn M.

- Người làm chứng ông Trương Văn Ch trình bày: Ông Ch là em cùng mẹ khác cha với cụ Võ Văn M. Ông Võ Minh T, bà Võ Thị N1 và bà Lê Thị N kêu ông C là chú Ú. Khi cụ Võ Văn M đang bàn bạc cùng người thân trong gia đình về lập di chúc miệng (di ngôn) để phân chia tài sản trong gia đình cho các con là ông Võ Minh T

(trong di ngôn ghi là C) và bà Võ Thị N1 (trong di ngôn ghi là Lọm). Di ngôn của cụ M là do ông Nguyễn Văn L (cháu rể bà con) viết. Nội dung ông Nguyễn Văn L viết là đúng di chúc miệng của cụ Võ Văn M, phân chia tài sản cho các con. Bà con, thân tộc trong gia đình đều nghe và đồng ý với nội dung di ngôn do ông Nguyễn Văn L viết và đọc cho những người có mặt nghe. Thời điểm lập di chúc miệng, cụ M nằm trên ghế bố nhưng minh mẫn tỉnh táo, nghe nói rõ ràng. Trong nội dung di ngôn có phân chia cho ông Võ Minh T diện tích đất mà trước đó cụ Võ Văn M đã đổi đất với cụ Trần Thị Tr. Sau đó, ông Võ Minh T đã đứng ra khởi kiện ở Tòa án để đề nghị hủy việc đổi đất này buộc cụ Trần Thị Tr phải trả đất lại cho ông T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2023/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Minh T về việc “tranh chấp chia thừa kế về tài sản”.

Tuyên bố di chúc do cụ Võ Văn M lập ngày 16/12/1991 là vô hiệu.

Xác định quyền sử dụng đất diện tích 2.678,7m², diện tích đo đạc thực tế là 2.656,5m² thuộc một phần thửa 966 và thửa 951, tờ bản đồ 16 tọa lạc tại phường Tân Phước Khánh, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên và số tiền 5.925.000.000 đồng do bà Lê Thị S có nghĩa vụ hoàn trả theo Bản án dân sự phúc thẩm số 377/2020/DS-PT ngày 31/8/2020 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh là di sản do cụ Võ Văn M và cụ Nguyễn Thị Ch chết để lại.

Tính công sức của ông Võ Minh T đối với việc gìn giữ đất, sau đó khiếu kiện, khởi kiện để buộc gia đình cụ Trần Thị Tr trả lại thửa đất số 966 và thửa 951, tờ bản đồ 16, tọa lạc tại phường Tân Phước Khánh, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương là 30% giá trị di sản.

Ông Võ Minh T được hưởng 1/2 di sản của cụ Võ Văn M và 1/3 di sản của cụ Nguyễn Thị Ch.

Bà Võ Thị N1 được hưởng 1/2 di sản của cụ Võ Văn M và 1/3 di sản của cụ Nguyễn Thị Ch.

Bà Lê Thị N được hưởng 1/3 di sản của cụ Nguyễn Thị Ch.

2. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Viết H về “tranh chấp hợp đồng hứa thưởng”.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Võ Minh T, bà Lê Thị N, bà Võ Thị N1 đồng ý giao diện tích đất 1.062m² thuộc các thửa đất số 951, 966 tờ bản đồ 16 tại phường Tân Phước Khánh, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và số tiền 2.370.000.000 đồng cho ông Nguyễn Viết H

Cụ thể việc phân chia quyền sử dụng đất diện tích 2.678,7m², diện tích đo đạc thực tế là 2.656,5m² thuộc một phần thửa 966 và thửa 951, tờ bản đồ 16 tọa lạc tại phường Tân Phước Khánh, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên và số tiền 5.925.000.000 đồng do bà Lê Thị S có nghĩa vụ hoàn trả theo Bản án dân sự phúc thẩm số 377/2020/DS-PT ngày 31/8/2020 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Ông Nguyễn Viết H được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích 1.062m² (ký hiệu A trên sơ đồ bản vẽ kèm theo) và được nhận số tiền 2.370.000.000 đồng.

Ông Võ Minh T được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích 1.105,9m² (ký hiệu B trên sơ đồ bản vẽ kèm theo) và được nhận số tiền 800.635.000 đồng.

Bà Võ Thị N1 được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích 310m² (ký hiệu C trên sơ đồ bản vẽ kèm theo) và được nhận số tiền 2.275.975.000 đồng.

Bà Lê Thị N được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích 178,7m² (ký hiệu D trên sơ đồ bản vẽ kèm theo) và được nhận số tiền 478.390.000 đồng.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh L về “tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất”

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị N, bà Võ Thị N1 về việc trả tiền công sức cho bà Nguyễn Thị Thanh L, trong đó bà Lê Thị N trả cho bà Nguyễn Thị Thanh L số tiền 500.000.000 đồng; bà Võ Thị N1 trả cho bà Nguyễn Thị Thanh L số tiền 500.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 07/4/2023 bị đơn bà Lê Thị N kháng cáo bản án sơ thẩm; ngày 10/4/2023 bị đơn bà Võ Thị N1 kháng cáo bản án sơ thẩm. Bà N và bà N1 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng đảm bảo công bằng khách quan và phù hợp với các quy định của pháp luật. Ngày 12/4/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh L kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét buộc bà Võ Thị N1 và bà Lê Thị N phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thanh L tổng số tiền 7.480.000.000 đồng tương đương giá trị 935m² x 8.000.000 đồng/m² đất thuộc thửa đất số 966 và 951, tờ bản đồ số 16 tại phường Tân Phước Khánh, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương được Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định tại Bản án dân sự phúc thẩm số 337/2020/DS-PT ngày 31/08/2020.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T, bà N1 và người đại diện hợp pháp của bà N thống nhất thỏa thuận:

Về phần tiền: Ông T được hưởng 1.250.000.000 đồng; bà N1 được hưởng 1.826.610.000 đồng; bà N được hưởng 478.390.000 đồng.

Về quyền sử dụng đất: Diện tích đất còn lại là 1.594,5m², ông T sẽ nhận 900m²; phần còn lại đồng ý giao cho bà N1, bà N khoảng gần 700m². Bà N, bà N1 đề nghị Tòa án ghi nhận quyền sử dụng đất gần 700m² cho hai người sử dụng chung và nhận vị trí đất ở hướng phía Tây.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu độc lập Nguyễn Thị Thanh L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà L và N, bà N không thỏa thuận được với nhau.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của ông Võ Minh T, người đại diện của bà Lê Thị N và bà Võ Thị N1. Riêng yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh L là không có căn cứ nên đề nghị không chấp nhận. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm bà Lê Thị N, bà Võ Thị N1 vẫn tự nguyện hỗ trợ mỗi người 500.000.000 đồng cho bà L nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị N1, bà Lê Thị N, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn và bị đơn đã tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết phần tranh chấp là quyền sử dụng đất và giữ nguyên phần tiền theo bản án sơ thẩm nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của họ, sửa bản án sơ thẩm về phần này.

Đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh L: Kháng cáo này là chưa có căn cứ, bởi lẽ theo “Giấy cho đất” ngày 09/12/2005 có nội dung của hợp đồng hứa thưởng, theo đó bà L phải thực công việc là kiện đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất, sau khi thực hiện được công việc theo yêu cầu thì được trả thưởng nếu cụ Ch, bà N1, bà N thắng kiện và bán được toàn bộ diện tích đất nêu trên sẽ cho bà Nguyễn Thị Thanh L được hưởng số tiền tương đương với diện tích đất 935 m². Bà L chưa thực hiện xong công việc theo thỏa thuận, bà Ch chưa nhận được đất nên việc thỏa thuận này chưa hoàn thành, bà L cũng xác định bà N, bà N1 phải thực hiện nghĩa vụ theo “Giấy cho đất”. Tuy nhiên, do bà L cũng có công sức, bỏ tiền ra thuê luật sư, chi phí đi lại nên bà N, bà N tự nguyện hỗ trợ mỗi người 500.000.000 đồng cho bà L nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn bà Võ Thị N1, bà Lê Thị N; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh L kháng cáo trong thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thụ lý theo quy định của pháp luật.

[1.2] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương có yêu cầu vắng mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị S, bà Hà Thị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm ông Võ Minh T, bà Võ Thị N1, bà Lê Thị N đều trình bày thống nhất về quan hệ nhân thân, huyết thống của cụ Võ Văn M, cụ Nguyễn Thị Ch. Cụ thể: ông Võ Minh T là con của cụ Võ Văn M, ông T sống chung với cụ Ch, ông T và cụ Ch có quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng nhau như mẹ con từ năm 1957; bà Võ Thị N1 là con chung của cụ Võ Văn M và cụ Nguyễn Thị Ch. Ngoài ra, cụ Ch còn có 01 người con riêng là bà Lê Thị N. Cha mẹ của cụ M và cụ Ch đã mất từ rất lâu. Do đó, theo quy định tại Điều 651 của Bộ luật Dân sự hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ M, cụ Ch gồm bà Lê Thị N, ông Võ Minh T, bà Võ Thị N1.

[2.2] Quyền sử dụng đất diện tích 3.321m² thuộc các thửa đất số 951, 966, tờ bản đồ 16 tọa lạc tại phường Tân Phước Khánh, thành phố Tân Uyên do cụ M mua riêng vào năm 1960 của cụ Trương Văn Tuấn. Năm 1977, giữa cụ M và cụ Trần Thị Tr đã thỏa thuận miệng hoán đổi đất, cụ M giao cho cụ Tr diện tích đất đo đạc thực tế

là 3.652m², đổi lại, cụ Tr giao cho cụ M diện tích đất 4.339m². Tuy nhiên, cụ M và cụ Ch chung sống với nhau từ năm 1957 nên quan hệ hôn nhân được công nhận kể từ ngày các bên xác lập quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng là năm 1957. Cụ M nhận chuyển nhượng của cụ Trương Văn Tuấn vào năm 1960 trong thời kỳ hôn nhân với cụ Ch nên diện tích đất 3.652m² là tài sản chung của cụ M và cụ Ch. Sau khi có sự hoán đổi đất giữa cụ M và cụ Tr thì phát sinh tranh chấp và được các Tòa án có thẩm quyền giải quyết nhiều lần. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 377/2020/DS-PT ngày 31/8/2020 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định diện tích đất 3.652m² thuộc thửa đất số 966 và thửa 951, tờ bản đồ 16, tọa lạc tại phường Tân Phước Khánh, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cụ Võ Văn M và cụ Nguyễn Thị Ch. Sau khi đã giao cho bà Nguyễn Thị S diện tích 520m² và Công ty trách nhiệm hữu hạn T 453,4m², diện tích còn lại 2.678,7m² (diện tích đo đạc thực tế 2.656,5m²) và số tiền 5.952.000.000 đồng bà Lê Thị S phải hoàn trả lại cho các đồng thừa kế của cụ M, cụ Ch. Tòa án cấp sơ thẩm xác định toàn bộ tài sản trên là di sản thừa kế do cụ M và cụ Ch chết để lại là có căn cứ.

[2.3] Đối với yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Viết H, quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm ông T, bà N, bà N1 thống nhất giao cho ông H 40% tài sản nhận được nên Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận thỏa thuận này là có căn cứ. Tuy nhiên cách ghi quyền của người được nhận tài sản chưa cụ thể nên cần điều chỉnh cho phù hợp.

[2.4] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh L, xét thấy: “Giấy cho đất” ngày 09/12/2005 có nội dung của hợp đồng hứa thưởng, theo đó bà L phải thực công việc là kiện đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất, sau khi thực hiện được công việc theo yêu cầu thì được trả thưởng nếu cụ Ch, bà N1, bà N thắng kiện và bán được toàn bộ diện tích đất nêu trên sẽ cho bà Nguyễn Thị Thanh L được hưởng số tiền tương đương với diện tích đất 935 m² đất trong tổng diện tích 4.364 m² là tài sản đòi lại được từ cụ Tr. Bà Nguyễn Thị Thanh L thực tế đã thực hiện công việc hứa thưởng, giúp cụ Ch, bà N1, bà N tham gia tố tụng với tư cách đại diện ủy quyền trong vụ án “Tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn ông Võ Minh T, cụ Nguyễn Thị Ch với bị đơn cụ Trần Thị Tr. Quá trình làm đại diện ủy quyền, bà L đã giúp gia đình cụ Ch làm đơn khiếu nại, khởi kiện đến các cấp có thẩm quyền để yêu cầu xem xét, giải quyết bảo vệ quyền lợi của gia đình cụ M, cụ Ch. Bà L là người tham gia giúp cụ Nguyễn Thị Ch thực hiện các thủ tục giải quyết tranh chấp, là người chi tiền thuê luật sư để bảo vệ cho quyền lợi của cụ Ch. Bà N, bà N1 cũng thừa nhận công sức của bà L đã thực hiện công việc theo nội dung yêu cầu tại giấy cho đất, tuy nhiên, gia đình cụ Ch, bà N, bà N1 vẫn chưa nhận được tài sản là quyền sử dụng đất nên không thể chuyển nhượng vào giao số tiền tương ứng với diện tích đất 935 m² như đã hứa thưởng. Đến năm 2015, Tòa án nhân dân tối cao có Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 145/2015/KN-DS ngày 22/5/2015 hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 354/2013/DS-PT ngày 15/11/2013 của Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và giao hồ sơ vụ án lại cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử lại theo quy định của pháp luật. Sau đó bà L không tham gia tố tụng nữa nên bà N1, bà N, ông T phải nhờ ông Nguyễn Viết H tham gia tố tụng tranh chấp đất với cụ Tr.

Do ông T và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của cụ Ch là bà N, bà N chưa nhận được tài sản, chưa chuyển nhượng được tài sản là quyền sử dụng đất để có thể giao số tiền như đã hứa với bà L. Ông T, bà N, bà N cho rằng bà L có thực hiện công

việc nhưng không thực hiện xong công việc theo nội dung hứa thưởng nên không đồng ý với yêu cầu thực hiện việc trả thưởng cho bà L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 570, Điều 572 Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, bà N, bà N1 tự nguyện, đồng ý, mỗi người chỉ cho bà L số tiền 500.000.000 đồng để ghi nhận công sức, chi phí mà bà L đã bỏ ra. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của bà N, bà N1 là phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà L; bà N, bà N1 vẫn đồng ý hỗ trợ bà L mỗi người 500.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.5] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị N, bà Võ Thị N1 và cách chia tài sản thừa kế của Tòa án cấp sơ thẩm, xét thấy:

Cụ M và cụ Ch có quan hệ là vợ chồng nên được hưởng quyền thừa kế của nhau. Di sản của cụ M và cụ Ch chết để lại là quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế 2.656,5m² thuộc một phần thửa 966 và thửa 951, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại phường Tân Phước Khánh, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và số tiền 5.925.000.000 đồng mà bà Lê Thị S phải hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất theo Bản án dân sự phúc thẩm số 377/2020/DS-PT ngày 31/8/2020 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi thực hiện hứa thưởng của các đồng thừa kế của cụ M, cụ Ch là ông Võ Minh T, bà Võ Thị N1, bà Lê Thị N cho ông Nguyễn Viết H 40% quyền sử dụng đất với diện tích là 1.062 m² và 40% của số tiền 5.925.000.000 đồng (chưa trừ chi phí thi hành án). Phần tài sản còn lại là diện tích đất 1.594,5 m² và 60% của số tiền 5.925.000.000 đồng (chưa trừ chi phí thi hành án) là tài sản chung của cụ M, cụ Ch để lại cho các đồng thừa kế là ông T, bà N, bà N1.

Cụ M chết năm 1992, cụ Chung chết năm 2007 nên cụ Ch được hưởng một phần di sản của cụ M để lại nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tính cho cụ Ch được hưởng là có sai sót. Trong trường hợp này, tài sản của cụ M, cụ Ch mỗi người được hưởng 50%. Cụ M chết thì phần tài sản của cụ M được chia thừa kế cho cụ Ch, ông T và bà N1. Cụ Ch chết thì phần tài sản của cụ Ch (gồm 50% trong khối tài sản chung, 1/3 thừa kế của cụ M) được chia cho ông T, bà N và bà N. Do xác định tài sản thừa kế không đúng nên cách chia tài sản của Tòa án cấp sơ thẩm là chưa đúng nên cần sửa lại bản án sơ thẩm cho phù hợp.

Tuy nhiên, tại phiên phúc thẩm, ông T, bà N1 và người đại diện hợp pháp của bà N tự nguyện thống nhất thỏa thuận: Ông T được hưởng 1.250.000.000 đồng, bà N1 được hưởng 1.826.610.000 đồng, bà N được hưởng 478.390.000 đồng; phần quyền sử dụng đất còn lại là 1.594,5m², ông T nhận 900m², phần còn lại giao cho bà N1, bà N. Bà N, bà N1 đề nghị Tòa án ghi nhận quyền sử dụng đất cho hai người sử dụng chung và nhận vị trí đất ở hướng phía Tây. Xét sự tự nguyện, thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Tuy nhiên, do diện tích đo đạc thực tế còn lại là 1.594,5m², không đủ để giao cho bà N và bà N1 diện tích đất 700m², ông T diện tích đất 900m², để đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự Hội đồng xét xử cân nhắc xác định trên thực địa để xác định diện tích cụ thể.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quan điểm của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị N1, bà Lê Thị N; không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Thanh L.

Về án phí dân sự phúc thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Minh T, bà Lê Thị N, bà Võ Thị N1, bà Võ Thị Thanh L là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 48; khoản 2 Điều 308; Điều 309; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Pháp lệnh Thừa kế năm 1990; Điều 1 Nghị quyết 02/HĐTP 19 tháng 10 năm 1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Các Điều 631, 632, 633, 652, 658, 674, 675, 676, 733, 734 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Các Điều 570, 572, 609, 610, 611, 612, 613, 627, 629, 630, 650, 651, 654 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Các Điều 99, Điều 166, Điều 167 của Luật Đất đai năm 2013.

- Án lệ số 05/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị N, bà Võ Thị N1; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh L.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2023/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Minh T; một phần yêu cầu của bị đơn bà Lê Thị N, bà Võ Thị N1; chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Viết H.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Võ Minh T, bà Lê Thị N, bà Võ Thị N1 và ông Nguyễn Viết H như sau:

- Ông Nguyễn Viết H được quyền quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất diện tích 1.062m² thuộc một phần thửa 951, tờ bản đồ số 16, đất tọa lạc tại phường Tân Phước Khánh, thành phố Tân Uyên tỉnh Bình Dương (ký hiệu A trên sơ đồ bản vẽ kèm theo) và được nhận số tiền 2.370.000.000 đồng (hai tỷ ba trăm bảy mươi triệu đồng, chưa trừ chi phí thi hành án) theo Bản án dân sự phúc thẩm số 377/2020/DS-PT ngày 31/8/2020 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Võ Minh T được quyền quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất diện tích 898m², gồm: 480,1m² thuộc một phần thửa 951 và 417,9m² thuộc một phần thửa 966, tờ bản đồ số 16, đất tọa lạc tại phường Tân Phước Khánh, thành phố Tân Uyên tỉnh Bình Dương (ký hiệu B trên sơ đồ bản vẽ kèm theo) và được nhận số tiền

1.250.000.000 đồng (một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng, chưa trừ chi phí thi hành án) theo Bản án dân sự phúc thẩm số 377/2020/DS-PT ngày 31/8/2020 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Võ Thị N1 và bà Lê Thị N được quyền quản lý, sử dụng chung quyền sử dụng đất diện tích 696,5m², gồm: 64m² thuộc một phần thửa 951 và 632,5m² thuộc một phần thửa 966, tờ bản đồ số 16, đất tọa lạc tại phường Tân Phước Khánh, thành phố Tân Uyên tỉnh Bình Dương (ký hiệu C trên sơ đồ bản vẽ kèm theo).

- Bà Võ Thị N1 được nhận số tiền 1.826.610.000 đồng (một tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm mười nghìn đồng, chưa trừ chi phí thi hành án) theo Bản án dân sự phúc thẩm số 377/2020/DS-PT ngày 31/8/2020 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Lê Thị N được nhận số tiền 478.390.000 đồng (bốn trăm bảy mươi tám triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng, chưa trừ chi phí thi hành án) theo Bản án dân sự phúc thẩm số 377/2020/DS-PT ngày 31/8/2020 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh L.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị N, bà Võ Thị N1 về việc trả tiền công sức cho bà Nguyễn Thị Thanh L, trong đó bà Lê Thị N trả cho bà Nguyễn Thị Thanh L số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng); bà Võ Thị N1 trả cho bà Nguyễn Thị Thanh L số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Các phần quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2023/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí:

Ông Võ Minh T, bà Lê Thị N, bà Võ Thị N1, bà Võ Thị Thanh L là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Trả cho ông Nguyễn Viết H số tiền tạm ứng án phí 60.547.000 đồng (sáu mươi triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai số AA/2021/0006318 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- TAND thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Sỹ Trứ